

Thực tiễn áp dụng các tiêu chuẩn môi trường trong sản xuất tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách¹

TỨ THÚY ANH*
PHẠM XUÂN TRƯỜNG**

Với sự bùng nổ của thời đại toàn cầu hóa, nâng cao trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp (CER - corporate's environmental responsibility) được xem như chiếc chìa khóa mở cánh cửa thị trường quốc tế, tạo ra bước đột phá vượt qua rào cản thương mại quốc tế và thị trường để các doanh nghiệp cạnh tranh, phát triển. Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, thực hiện các tiêu chuẩn môi trường quốc tế là cách tốt nhất để đáp ứng yêu cầu về CER từ đối tác nước ngoài. Bài viết xem xét thực tiễn áp dụng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế phổ biến ở Việt Nam (cụ thể là tiêu chuẩn ISO 14001 và áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn), từ đó đưa ra những khuyến nghị chính sách phù hợp.

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Tiêu chuẩn ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường

Tiêu chuẩn ISO 14001 là thước đo quan trọng nhất để đánh giá hành vi bảo vệ môi trường của doanh nghiệp thông qua Hệ thống quản lý môi trường. Tiêu chuẩn ISO 14001 với phiên bản cập nhật nhất là ISO 14001:2015, được giới thiệu lần đầu vào năm 1996 đưa ra các quy chuẩn nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường của các doanh nghiệp/tổ chức trên toàn cầu. Cụ thể, tiêu chuẩn ISO 14001 bao gồm các quy chuẩn về: khí thải và chất lượng không khí; nước thải và chất lượng nước; tiếng ồn và độ rung; đất; rác thải và chất thải rắn; môi trường trong lĩnh vực y tế; môi trường trong lĩnh vực xây dựng.

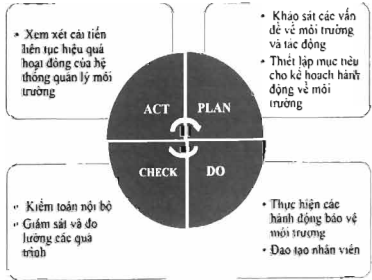
Ở Việt Nam, toàn bộ nội dung của tiêu chuẩn ISO 14001 đã được luật hóa thành Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 14001:2015 Hệ thống quản lý môi trường - các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng, thay thế cho các phiên bản ISO 14001 trước đó (TCVN ISO 14001:2010

và TCVN ISO 14001:2004) với đầy đủ các bộ quy chuẩn như trong phiên bản quốc tế.

Để một công ty nhận được giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001 là một quá trình nghiêm ngặt và chặt chẽ với 4 giai đoạn thống nhất như Hình 1.

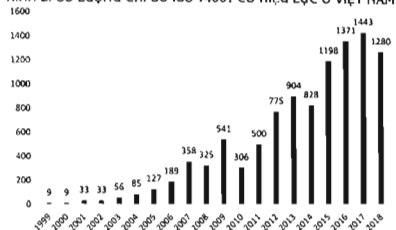
Cùng với từng giai đoạn thực hiện để đạt được chứng nhận, sẽ có những khung tiêu chuẩn phụ bổ sung nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng quy trình và đạt mục tiêu.

HÌNH 1: CÁC QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TIÊU CHUẨN ISO 14001



* PGS, TS., ** ThS., Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Ngoại thương
¹ Bài báo là sản phẩm của nhóm nghiên cứu "Thương mại, Môi trường và Phát triển" của Trường Đại học Ngoại thương

HÌNH 2: SỐ LƯỢNG CHỈ SỐ ISO 14001 CÓ HIỆU LỰC Ở VIỆT NAM



Nguồn: International Standard Organization, 2018

Lý do của việc phổ biến việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 tại nhiều quốc gia với các nền kinh tế khác nhau, với các mức độ phát triển và các đặc trưng văn hóa khác nhau luôn bảo đảm sự thành công chính bởi vì áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 14001 luôn mang lại những lợi ích thiết thực cho các tổ chức/doanh nghiệp. Có thể kể đến một số lợi ích, như: i) Giảm nguy cơ ô nhiễm; ii) Tiết kiệm chi phí đầu vào; iii) Gia tăng tính cạnh tranh và thị phần; iv) Thể hiện sự tuân thủ luật pháp; v) Đáp ứng nhu cầu của khách hàng nước ngoài; vi) Xây dựng niềm tin đối với các bên liên quan (Fletcher, 2015).

Đến thời điểm năm 2018, đã có tới 324.148 doanh nghiệp/tổ chức thuộc 175 quốc gia và nền kinh tế đã được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001 (ISO Survey, 2014). Các quốc gia với số lượng chứng chỉ nằm trong Top 10 thế giới cả số lượng chứng chỉ được cấp lẫn tốc độ gia tăng, bao gồm: Trung Quốc (117.758 chứng chỉ), Italia (27.178 chứng chỉ), và ở vị trí thứ ba, thứ tư lần lượt là Nhật Bản và Hoa Kỳ với 23.753 và 16.685 chứng chỉ tương ứng (Fletcher, 2015).

Tại Việt Nam, chứng chỉ ISO 14001:1996 đã được cấp lần đầu tiên vào năm 1998 (hai năm sau khi tiêu chuẩn ISO 14001:1996 ra đời) và số lượng tổ chức áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 đạt chứng chỉ không ngừng tăng lên theo các năm. Nếu như năm 1999 chỉ có 9 doanh nghiệp/tổ chức đạt được chứng nhận, thì đến năm 2009, con số này đã tăng vọt lên 541 đơn vị. Tính đến năm 2018, Việt Nam đã có 1.280 doanh nghiệp/tổ chức được trao chứng chỉ ISO 14001 đứng thứ 31 trên tổng số 190 quốc gia trên thế giới (ISO Survey, 2018). Một công ty đạt được chứng chỉ ISO 14001 khi tất cả các chi nhánh của công ty đều phải đảm bảo điều kiện môi trường nghiêm ngặt, vì thế con số gần 1.300 doanh nghiệp đạt được chứng chỉ ISO 14001 là một kết quả đáng khích lệ.

Mặc dù số lượng doanh nghiệp được cấp chứng chỉ ISO 14001 tăng nhanh và đầy đủ các thành phần doanh nghiệp (trong nước, nước ngoài; nhà nước, tư nhân), nhưng tỷ lệ các doanh nghiệp này trong tổng toàn bộ các tổ chức/doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam thì vẫn còn rất nhỏ. Điều này cho thấy tại Việt Nam,

các doanh nghiệp/tổ chức vẫn chưa quan tâm đúng mức tới vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường.

Việc áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại Việt Nam bên cạnh một số thuận lợi, như: quy định pháp luật về môi trường chặt chẽ hơn; có nhiều điều kiện để hòa nhập vào sân chơi chung; và nhận được sự quan tâm của cộng đồng... các doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Cụ thể:

Một là, thiếu chính sách hỗ trợ từ Nhà nước. Mặc dù có sự quan tâm trong công tác bảo vệ môi trường nhưng cho tới nay, Nhà nước, các cấp chính quyền chưa có chính sách cụ thể để hỗ trợ các tổ chức/doanh nghiệp trong việc áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Cho tới nay, khách hàng và tổ chức/doanh nghiệp khi áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 vẫn chưa được hưởng các ưu đãi hay chính sách khuyến khích nào. Tính hiệu quả trong công tác thực thi yêu cầu pháp luật trong bảo vệ môi trường còn chưa cao, dẫn tới thiết thòi cho những tổ chức quan tâm và đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường do đầu tư cho chi phí môi trường là rất lớn. Do vậy, xuất hiện tình trạng nếu không thật sự cần thiết (không có yêu cầu của khách hàng, để ký kết hợp đồng, thâm nhập thị trường nước ngoài...) thì sẽ có những tổ chức không áp dụng ISO 14001. Đây là một nguyên nhân giải thích vì sao tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam đạt tiêu chuẩn ISO 14001 vẫn còn ở mức khiêm tốn.

Hai là, chưa đưa chính sách môi trường lồng ghép vào chính sách phát triển chung của doanh nghiệp. Một trong các yêu cầu đầu tiên của tiêu chuẩn ISO 14001 khi tổ chức xây dựng hệ thống quản lý môi trường là thiết lập, xác định và chỉ ra định hướng trong công tác bảo vệ môi trường, trong quá trình cung cấp dịch vụ và sản xuất, kinh doanh (thuật ngữ tiêu chuẩn là xác định Chính sách môi trường). Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn yếu kém trong việc hoạch định chiến lược hướng phát triển với tầm nhìn dài hạn, ảnh hưởng tới khả năng và động lực phát triển của doanh nghiệp. Trong khi định hướng phát triển còn chưa rõ ràng, thì chính sách về môi trường của tổ chức/doanh nghiệp còn mờ nhạt hơn nữa. Việc thiết lập chính sách bảo vệ môi trường

còn mang tính hình thức, thậm chí nhiều căn bộ trong tổ chức/doanh nghiệp cũng chưa biết, chưa hiểu nghĩa sách môi trường của tổ chức/doanh nghiệp mình. Điều đó đã gây hạn chế trong việc phát huy sự tham gia của mọi người trong tổ chức/doanh nghiệp vào công tác bảo vệ môi trường.

Ba là, vấn đề chi phí trong công tác thực hiện. Nhiều chuyên gia nghiên cứu cho rằng, việc tuân thủ theo các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn ISO 14001 sẽ rất tốn kém cho doanh nghiệp, làm phát sinh các khoản chi phí, như: xây dựng và duy trì hệ thống quản lý môi trường; tư vấn tư việc thuê chuyên gia thẩm định xem hệ thống quản lý môi trường mà doanh nghiệp thực hiện đã đáp ứng theo yêu cầu của ISO 14001 hay chưa và nếu chưa, thì cần phải cải tiến như thế nào để hoàn thiện; việc đăng kí với bên thứ ba.

Bốn là, hiệu quả công tác đánh giá nội bộ chưa cao. Đánh giá nội bộ là một hoạt động bắt buộc và cần được triển khai định kỳ nhằm xác định hiệu quả cũng như tìm ra các cơ hội để cải tiến nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường. Tuy nhiên, việc triển khai đánh giá nội bộ cũng là một trong các điểm yếu đối với nhiều tổ chức, họ thường gặp khó khăn trong việc lựa chọn đánh giá viên đủ năng lực, trình độ. Quá trình đánh giá nhiều khi vẫn mang tính hình thức, nên các phát hiện đánh giá đôi khi chưa mang lại giá trị thực sự cho việc cải tiến môi trường cho tổ chức. Điều này cũng một phần do sự quan tâm của lãnh đạo chưa thực sự đầy đủ và sâu sát.

Quy trình sản xuất sạch hơn (Cleaner Production Circles)

Theo Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP), sản xuất sạch hơn (SXSH) là *"việc áp dụng liên tục chiến lược phòng ngừa tổng hợp về môi trường vào các quy trình sản xuất, sản phẩm và dịch vụ nhằm nâng cao hiệu suất sinh thái và giảm thiểu rủi ro cho con người và môi trường"*. Quy định này cũng làm rõ rằng, đối với quá trình sản xuất, SXSH bao gồm các hành vi bảo toàn nguyên liệu và năng lượng, loại trừ các nguyên liệu độc hại và giảm lượng cũng như tính chất độc hại của các chất thải ngay tại nguồn thải. Áp dụng quy trình SXSH hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát được tình trạng các nguồn chất thải trong quá trình sản xuất, chế biến. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy các doanh

nh nghiệp áp dụng SXSH đã giảm thiểu các tổn thất nguyên vật liệu và sản phẩm, qua đó đạt được sản lượng cao hơn với chi phí thấp ổn định, tăng lợi nhuận cũng như tạo ra tính cạnh tranh ngày càng cao. SXSH cũng là một bước hữu ích, giữ vai trò quan trọng trong việc tiến tới hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường như ISO 14001.

Tuy nhiên, cần nhận mạnh rằng, SXSH là một quá trình liên tục. Sau khi kết thúc một vòng đánh giá SXSH, đánh giá tiếp theo cần được tiến hành để cải thiện hiện trạng tốt hơn hoặc bắt đầu với phạm vi đánh giá mới với những tiêu chuẩn nâng cao hơn trước đó. Do đó, việc thực hiện SXSH đòi hỏi những nỗ lực to lớn và cam kết thực hiện chặt chẽ từ phía doanh nghiệp/tổ chức mà không phải doanh nghiệp nào cũng có đủ nguồn lực để đáp ứng.

Về phía Chính phủ, trong "Chiến lược Bảo vệ môi trường đến năm 2010 và định hướng 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg, ngày 02/12/2003, SXSH đã được đưa vào 1 trong 36 chương trình/dự án ưu tiên cấp quốc gia. Theo kết quả khảo sát 9.012 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên toàn quốc năm 2010, có 2.509 doanh nghiệp (tương ứng 28%) có nhận thức về SXSH với mức độ nhận thức khác nhau, tức việc nghe nói đến SXSH và nhận thức chưa đầy đủ về lợi ích song hành kinh tế và môi trường của SXSH đến việc thực hiện áp dụng SXSH và đáp ứng mục tiêu chiến lược. Theo thống kê của Bộ Công Thương, tính đến hết năm 2017, trên cả nước đã có 41/63 địa phương có đầu mối về SXSH, 35 địa phương ban hành Kế hoạch, chương trình thực hiện Chiến lược SXSH giai đoạn 2009-2015. Đặc biệt, 22 địa phương đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược SXSH giai đoạn 2016-2020. Gần 100 trung tâm (khuyến công, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, xúc tiến thương mại, tư vấn phát triển công nghiệp) triển khai các hoạt động tư vấn, hướng dẫn thực hiện SXSH cho các doanh nghiệp (Bộ Công Thương, 2018).

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH

Để nâng cao CER ở Việt Nam thông qua việc thúc đẩy các doanh nghiệp thực thi các tiêu chuẩn môi trường quốc tế, thì Chính phủ có thể thực hiện các chính sách sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường có tích hợp nội dung các công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam đã tham gia. Theo Báo cáo tổng kết 5 năm (2011-2016) công tác phòng chống tội phạm và vi phạm môi trường của Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm (C49), mỗi năm có khoảng 7.000-8.000 vụ phá rừng, hơn 1.000 vụ buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã và khoảng 70% nước thải tại các khu công nghiệp trên cả nước không qua xử lý xả thẳng ra môi trường. Tuy nhiên, các con số này vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng số các vụ vi phạm pháp luật môi trường.

Những con số trên cho thấy, pháp luật về môi trường ở Việt Nam chưa được thực thi nghiêm, đặc biệt ở khung hình phạt còn nhẹ. Trong thời gian tới cần thiết phải củng cố hơn nữa pháp luật về môi trường, trong đó chú trọng nâng cao khung hình phạt, đặc biệt là khung hình phạt trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Ngoài ra, Việt Nam đã tham gia vào 14 công ước quốc tế về môi trường, như Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc; Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy; và Công ước về bảo vệ tầng ozôn. Do đó, để tiếp cận gần hơn với các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, Chính phủ cần nghiên cứu luật hóa các công ước quốc tế về môi trường vào các luật quốc gia có liên quan.

Thứ hai, tuyên truyền về ý thức bảo vệ môi trường, nhấn mạnh đến trách nhiệm môi trường của các doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang tham gia vào Hiệp định Đới tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA) với những quy định sâu hơn liên quan đến môi trường so với quy định trong WTO. Cụ thể, đối với CPTPP, những cam kết cụ thể liên quan đến môi trường, bao gồm: Hiệp định đa phương về môi trường (MEAs), đa dạng sinh học và sinh vật ngoại lai, bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ozôn, bảo vệ (ngăn ngừa ô nhiễm) môi trường biển từ tàu biển, đánh bắt hải sản, hàng hóa và dịch vụ môi trường, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cơ chế tự nguyện bảo vệ môi trường. Đối với EVFTA, những cam kết cụ thể về môi trường phần nhiều liên quan đến "phát triển bền vững", bao gồm: MEAs, đa dạng sinh học, bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã, lâm nghiệp và các sản phẩm lâm nghiệp, tài nguyên biển và sản phẩm nuôi trồng thủy sản, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và nhân sinh thái (Xuân Huy, 2017). Việc tuyên truyền có thể được tổ chức dưới dạng hội thảo, diễn đàn, tập huấn cấp quốc gia, cấp địa phương một cách định kỳ. Nội dung tuyên truyền cần được mở rộng không chỉ xoay quanh các vấn đề về môi trường và quy định bảo vệ môi trường ở Việt Nam, mà còn

phải giới thiệu các xu hướng sản xuất kinh doanh tình hình xanh trên thế giới, các nghiên cứu tình hình huồng điển hình, các tấm gương hình mẫu tốt trong công tác bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, bên cạnh việc xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì Chính phủ cũng nên có những cuộc thi, khen thưởng kịp thời những sáng kiến bảo vệ môi trường của các cá nhân, tổ chức, đặc biệt khuyến khích tôn vinh các doanh nghiệp đạt được những chứng chỉ môi trường quốc tế.

Thứ ba, điều chỉnh bộ lọc FDI, chỉ chấp nhận những dự án phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam. Ở Việt Nam, cơ cấu ngành của đầu tư nước ngoài hiện chủ yếu tập trung vào lắp ráp, giá trị gia tăng thấp. Gần đây, có chiều hướng dịch chuyển dòng FDI tiêu tốn năng lượng và tài nguyên, không thân thiện với môi trường, như: sửa chữa tàu biển, khai thác và tận thu khoáng sản không gắn với chế biến sâu, sản xuất bột giấy, sản xuất hóa chất, chế biến nông sản thực phẩm... vào Việt Nam (Đặng Hiếu, 2016). Để gia tăng hiệu quả trong việc lựa chọn các dự án FDI thân thiện với môi trường, các cơ quan chức năng bên cạnh yếu tố lĩnh vực và công nghệ sản xuất cần quan tâm hơn với các tiêu chuẩn môi trường mà công ty cam kết khi đầu tư ở Việt Nam. Cụ thể, cần có sự ưu tiên đối với những dự án FDI cam kết những tiêu chuẩn môi trường quốc tế cao hơn những quy định sẵn có ở Việt Nam, đồng thời khuyến khích các công ty áp dụng công nghệ sản xuất xanh, có mô hình kinh tế tuần hoàn đáng học tập. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Xuân Huy (2017). Cam kết và nghĩa vụ về môi trường trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và những khó khăn, thách thức đối với Việt Nam, *Tạp chí Môi trường*, số 03, 13 - 15
- Bộ Công Thương (2018). *Ngành Công Thương đẩy mạnh sản xuất sạch hơn và tiêu dùng bền vững*, truy cập từ <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet-/chi-tiet/nganh-cong-thuong-%C4%91ay-manh-san-xuat-sach-hon-va-tieu-dung-ben-vung-12245-22.html>
- Đặng Hiếu (2016). *Doanh nghiệp FDI và vấn đề bảo vệ môi trường*, truy cập từ <http://dangcongson.vn/kinh-te-va-hoi-nhap/doanh-nghiep-fdi-va-van-de-baove-moi-truong-417684.html>
- Fletcher, A. (2015). *ISO 14001: 2015 environmental management system implementation guide, NQA*, truy cập từ <https://www.nqa.com/medialibraries/NQA/NQA-Media-Library/PDFs/NQA-ISO-14001-Implementation-Guide.pdf>
- International Standard Organization (2018). *ISO Survey of certification to management system standards - Full results*, truy cập từ <https://isotc.iso.org/livelink/livelink?func=ll&objId=18808772&obj.Action=browse&viewType=1>